

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 518 /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 07 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Điện Bàn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2205/NĐ-CP ngày 24/01/2005 và Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 18/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định 1085/QĐ-TTg ngày 12/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 3597/QĐ-UBND ngày 14/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt đề án định hướng phát triển mạng lưới đô thị và điểm dân cư nông thôn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch Vùng Đông tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 355/TTr-UBND ngày 22/11/2012 của UBND huyện Điện Bàn về đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Vùng huyện Điện Bàn thành quy hoạch chung phát triển đô thị Điện Bàn;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng Quảng Nam tại Tờ trình số 32/TTr-SXD ngày 06/02/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch xây dựng đô thị Điện Bàn, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch:

- Đông giáp thành phố Hội An và biển Đông;
- Tây giáp huyện Đại Lộc;
- Nam giáp huyện Duy Xuyên;
- Bắc giáp huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2. Tính chất, chức năng của đô thị:

- Tính chất: phát triển thành đô thị loại IV.
- Chức năng: Là trung tâm phát triển Công nghiệp – Thương mại - Dịch vụ văn hoá và Du lịch của vùng Bắc Quảng Nam.

3. Quy mô và các giai đoạn phát triển:

a) Dự báo phát triển dân số:

- Dân số hiện trạng: 203.856 người.
- Giai đoạn đến 2020, dân số đô thị khoảng 142.500 người; dân số nông thôn khoảng 180.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%. Tốc độ tăng trưởng dân số hàng năm khoảng 18,4%/năm.
- Giai đoạn 2020-2030, dân số đô thị khoảng 280.000 người; dân số nông thôn khoảng 132.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 65%. Tốc độ tăng trưởng dân số hàng năm khoảng 7%/năm.

b) Dự báo quy mô đất đai:

- Giai đoạn đến năm 2020, quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 2.240ha; đất chuyên dùng khoảng 1.640ha.
- Giai đoạn 2020-2030, quy mô đất xây dựng đô thị khoảng 3.360ha; đất chuyên dùng khoảng 2.460ha.

4. Hướng phát triển và định hướng không gian:

a) Mô hình phát triển:

- Đô thị Điện Bàn phát triển theo mô hình cụm đô thị. Gồm khu đô thị ven biển; các khu đô thị dọc Quốc lộ 1A. Được phân cách bằng các vùng cây xanh, hệ thống sông Vĩnh Điện, Cổ Cò và khu vực phát triển nông thôn, nông nghiệp.

Ngoài ra, khu vực nông thôn được định hướng phát triển thành các tiểu vùng Điện Tiến, tiểu vùng Điện Hồng, tiểu vùng Điện Quang, Điện Phong, Điện Trung (gọi chung là tiểu vùng Gò Nổi).

- Phía Bắc và Đông Bắc, định hướng phát triển đô thị – du lịch biển. Phía Nam và Tây Nam, định hướng phát triển du lịch và nông thôn.

c) Định hướng phát triển không gian:

- Định hướng ranh giới khu vực nội thị:

+ Là địa giới của các xã, thị trấn: Điện Thắng Bắc, Điện Thắng Trung, Điện Thắng Nam, Điện An, Vĩnh Điện, Điện Phương. Giới hạn không gian cơ bản về phía Đông là sông Vĩnh Điện. Phát triển gắn với các trục QL1A, trục Đông Tây và sông Vĩnh Điện. Hướng phát triển thành khu đô thị Điện Thắng, khu đô thị Phương An.

+ Là địa giới của các xã vùng cát. Không gian cơ bản từ biển Đông đến trục 607A.

Chỉ tiêu kiểm soát phát triển chính: Mật độ dân cư trung bình 4000 người/ha, mật độ dân cư tại các khu dân cư 100-150 người/ha.

- Khu vực ngoại thị là các vùng còn lại. Được phát triển theo mô hình

nông thôn mới.

- Khu vực đô thị trung tâm:

Các khu đô thị trung tâm dọc Quốc lộ 1A, từ xã Điện Phương đến Điện Thắng. Cấu trúc phân tán, theo hướng thành các khu đô thị Điện Thắng và khu đô thị Phương An. Các khu đô thị có định hướng phát triển theo hướng Đông Tây, theo dòng chảy tự nhiên.

Khu đô thị ven biển dựa trên nền tảng của đô thị Điện Nam – Điện Ngọc. Với sông Cổ Cò là tuyến phân vùng phát triển.

- Không gian xanh của đô thị:

+ Vùng phát triển du lịch sinh thái văn hóa gồm tiểu vùng Gò Nổi; phân vùng Đông Vĩnh Điện và các điểm dân cư truyền thống, các khu cảnh quan sản xuất nông nghiệp, trồng cây công nghiệp, trồng hoa, trang trại sản xuất sinh thái thuộc khu vực các xã phía Đông QL1A.

+ Vùng du lịch gò đồi thuộc khu vực đồi Bồ Bồ, Điện Tiến.

+ Không gian du lịch biển bờ biển đến sông Cổ Cò và lan toả trong các không gian về phía Tây.

6. Định hướng phát triển các khu chức năng chính:

a) Trung tâm vùng Bắc Quảng Nam:

Là trung tâm tổng hợp, đa chức năng. Bao gồm hành chính, thương mại, dịch vụ tài chính ngân hàng khách sạn văn phòng. Quy mô dự kiến là 100-150 ha, bao gồm các chức năng được trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch biển, vui chơi giải trí, TDTT, sân golf, bảo tàng văn hóa cấp vùng và văn phòng đại diện của các tập đoàn kinh tế liên quốc gia và vùng.

b) Hệ thống Trung tâm cấp đô thị:

- Trung tâm đô thị Điện Nam-Điện Ngọc: Quy mô 30-50 ha, bao gồm các công trình hành chính đô thị, thương mại, TDTT, y tế, văn hoá và các hình thức sử dụng đất hỗn hợp khác.

- Trung tâm đô thị Điện Thắng: Quy mô dự kiến 15-25 ha, bao gồm các công trình hành chính đô thị, thương mại, TDTT, y tế, văn hoá và các hình thức sử dụng đất hỗn hợp khác.

Ngoài ra, có trung tâm Phong Nhị, vị trí tại nút giao giữa trục Đông-Tây và QL1A, qui mô 80-100ha;

- Trung tâm đô thị Phương An: Gồm,

+ Trung tâm Vĩnh Điện: Trong giai đoạn trước mắt có chức năng là trung tâm hành chính kinh tế, du lịch văn hóa dịch vụ và công nghiệp tiêu dùng. Quy mô dự kiến 10-15 ha, bao gồm các công trình hành chính đô thị, thương mại, TDTT, y tế, văn hoá và các hình thức sử dụng đất hỗn hợp khác.

+ Trung tâm Bắc Vĩnh Điện: Có chức năng thương mại, dịch vụ. Quy mô 80-100 ha. Bao gồm các công trình hành chính đô thị, thương mại, TDTT, y tế, văn hoá và các hình thức sử dụng đất hỗn hợp khác.

+ Trung tâm Thanh Chiêm: Có chức năng phát triển đặc thù, với hệ

thống làng nghề truyền thống, di tích, sông Thu Bồn. Quy mô diện tích khu trung tâm khoảng 30-50ha, trong đó bao gồm làng nghề, hệ thống các công trình dịch vụ du lịch, hạ tầng xã hội.

c) Hệ thống trung tâm giáo dục, đào tạo:

- Tại khu đô thị ven biển: Quy mô khoảng 220 ha. Bao gồm các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, đào tạo du lịch.

- Tại khu đô thị Điện Thắng: Quy mô khoảng 30-35ha Bao gồm đào tạo nghề, cao đẳng, giáo dục thường xuyên.

- Tại khu đô thị Phương An: Quy mô khoảng 10-15 ha. Bao gồm đào tạo nghề, cao đẳng, giáo dục thường xuyên.

d) Hệ thống Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp:

- Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc gắn với khu đô thị du lịch biển. Khuyến khích các ngành sản xuất sạch, công nghệ cao.

Hướng chuyển đổi các cụm công nghiệp phía Nam khu đô thị Điện Nam Điện Ngọc thành dịch vụ hoặc sản xuất công nghiệp công nghệ cao.

- Khu vực phát triển công nghiệp Trảng Nhật gắn với khu đô thị Điện Thắng. Tính chất công nghiệp tiêu dùng, lắp ráp, vật liệu xây dựng.

- Tại các khu vực ngoại thị, phát triển các điểm cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp theo hướng gắn kết giao thông cấp ĐT, thuận lợi về cung cấp nguyên liệu và phân phối hàng hoá.

7. Định hướng quy hoạch hạ tầng:

a) Định hướng quy hoạch giao thông:

Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1A: Đoạn giáp ranh giới Đà Nẵng đến ngã 3 đường tránh Vĩnh Điện: lộ giới 49,0m = (3,0m + 6,0m + 4,0m) + (10,75m + 1,5m + 10,75m) + (4,0m + 6,0m + 3,0m); Đoạn tuyến tránh thị trấn Vĩnh Điện, lộ giới 15,5m = (2,5m + 10,5m + 2,5m).

- Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, lộ giới 26,0m = (0,75m + 11,25m + 2m + 11,25m + 0,75m).

- Tuyến ĐT603A, lộ giới 27,0m = (5,0m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 5,0m).

- Tuyến ĐT603, lộ giới 48m = (6m + 15m + 6m + 15m + 6m).

- Tuyến ĐT605, : Kí hiệu mặt cắt (5 - 5), lộ giới 25m = (5m + 15m + 5m).

- Tuyến ĐT607A, đoạn giáp Đà Nẵng đến giáp Hội An: Ký hiệu mặt cắt (2 - 2): lộ giới 48m = (6m + 15m + 6m + 15m + 6m).

- Tuyến ĐT608, 33,0m = (5m + 10,5m + 2m + 10,5m + 5m).

- Tuyến ĐT609, lộ giới 27,0m = (5,0m + 7,5m + 2m + 7,5m + 5,0m).

- Tuyến ĐT610B, lộ giới 25m = (5,0m + 15,0m + 5,0m).

- Tuyến giao thông từ ĐT 607A kết nối với Sân bay Đà Nẵng, nối với đường Nguyễn Hữu Thọ kéo dài, lộ giới 27,0m = (5,0m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 5,0m).

Các tuyến trục liên khu vực kết nối các đô thị:

- Tuyến liên khu vực số 1: Từ nút giao thông khác mức liên thông ĐT609 và đường cao tốc đến nút giao ngã 3 đường tránh Vĩnh Điện, tiếp đến tuyến ĐT603A. Quy mô dự kiến tùy theo định hướng phát triển không gian đô thị và các khu chức năng. Dự kiến lộ giới tối thiểu $27m = (5,0m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 5,0m)$;

- Tuyến liên khu vực số 2: Kết nối giao thông ĐT603A và khu vực ven biển với các khu vực dân cư phía Tây đường cao tốc, đi Quốc lộ 14B. Lộ giới tối thiểu $27,0m = (5,0m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 5,0m)$;

- Tuyến giao thông qua sông Thu Bồn kết nối đường ĐT610B với ĐT609: Lộ giới $20,5m = (5,0m + 10,5m + 5,0m)$.

Các trục chính khu đô thị ven biển:

- Tuyến trục chính số 1, lộ giới $51,0m = (10,0m + 10,5m + 10,0m + 10,5m + 10,0m)$.

- Tuyến liên khu vực số 2, nối ĐT607A chạy dọc phía Tây sông Cổ Cò đến Hội An. Lộ giới $27,0m = (5,0m + 7,5m + 2,0m + 7,5m + 5,0m)$;

- Tuyến trục chính số 3, song song với ĐT607A, nối ĐT607B và ĐT603A: Lộ giới $20,5m = (5,0m + 10,5m + 5,0m)$.

Giao thông thủy:

- Tuyến Cổ Cò, sông cấp 4, dài khoảng 27,5km chạy dọc theo sông Cổ Cò, từ ngã ba sông Hàn đến Cửa Đại.

- Sông Thu Bồn: Sông cấp 3, dài 27km, chiều rộng luồng khai thác 50m, chiều sâu 5m, phương tiện vận tải cỡ 10 tấn. Có 3 bến ở Điện Hồng, Điện Phong và Điện Phương. Xây dựng bến du lịch tại Câu Lâu với cầu cảng có thể tiếp nhận tàu tuyến 5 đến 10 tấn và hành khách từ 50 đến 100 hành khách.

- Sông Vĩnh Điện: Sông cấp 5, dài 10km, lòng sông rộng trung bình $(30\div 50)m$, độ sâu trung bình 4,5m. Xây dựng bến thuyền tại bờ hữu hạ lưu cầu Vĩnh Điện.

Đường sắt: Tổng chiều dài khoảng 14,5km. Định hướng mở rộng quy mô ga Nông Sơn và ga Gò Nổi để phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hoá.

Hệ thống bến xe: Định hướng bến xe trung tâm của tỉnh tại Điện An. Tổng diện tích là 15.000m². Bến xe trung tâm của khu đô thị đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4.

Các công trình phục vụ giao thông: Xây dựng mới cầu Điện Quang 2 qua sông Thu Bồn kết nối giao thông ĐT610B, TT Bảo An với TT Phong Thử và TT Cẩm Lý. Xây mới cầu Điện Quang 1 trên tuyến ĐT 610B qua Đại Lộc. Xây dựng mới cầu qua sông Yên, kết nối Điện Bàn với QL14B tại Đại Hiệp. Cải tạo nâng cấp các cầu hiện trạng với quy mô bề rộng mặt cầu bằng bề rộng mặt đường. Gồm các cầu Câu Lâu cũ, Vĩnh Điện, Giáp Ba, Thanh Quýt trên tuyến QL1A; Đoạn tuyến tránh Vĩnh Điện, xây dựng mới

các cầu cạn với khẩu độ lớn tại các điểm giao với đường dân sinh hiện có để đảm bảo thoát lũ; Cầu Tứ Câu trên ĐT 603; Cầu Bình Long, Phong Thử trên ĐT609.

b) Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

San nền:

- Định hướng chung: Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên, chỉ tổ chức san nền, nâng cốt nền khi cần thiết; hài hòa với các khu vực đã xây dựng liền kề.

Cao độ nền không chế của từng khu vực, được lựa chọn theo chế độ thủy văn của các tuyến sông chính ảnh hưởng trực tiếp đến đô thị là sông Vu Gia và sông Thu Bồn. Các quy hoạch trước phù hợp sẽ tiếp tục tuân thủ, ngoài ra sẽ được điều chỉnh, đảm bảo nền đô thị không bị ngập úng và ảnh hưởng của thiên tai.

- Cao độ nền:

+ Đối với các khu vực bị ảnh hưởng bởi các lưu vực sông Vu Gia, Thu Bồn

- Các thị tứ, làng xóm hiện có: Giữ nguyên nền hiện trạng. Khi có điều kiện nên tôn nền công trình tới $MN(III) + 0,3m$.

- Khu dân dụng dự kiến xây mới: Cao độ nền không chế tối thiểu bằng mực nước báo động cấp III ($MN(III) + 0,3m$)

- Công trình công cộng: Cao độ nền không chế tối thiểu bằng $MN(III) + (0,5 - 0,7)m$

- Cụm công nghiệp: Cao độ nền không chế tối thiểu bằng $MN(III) + (0,7 - 1,0)m$.

- Các tuyến đường huyện: Nâng cao trình $> MN(III)$.

- Đối với đô thị Điện Nam - Điện Ngọc, cao trình nghiên cứu hồ sơ quy hoạch chung đã được duyệt và cao trình hiện trạng của tuyến ĐT 607A.

Thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mặt đi riêng. Hướng thoát nước chủ yếu theo địa hình tự nhiên; thoát ra các sông, suối theo từng lưu vực và thoát ra các trục tiêu chính là sông Thu Bồn và Vu Gia.

- Định hướng 3 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1, lưu vực Sông Vu Gia. Gồm toàn bộ khu vực phía Tây Bắc; hướng thoát nước ra sông Vu Gia.

+ Lưu vực 2, lưu vực Sông Thu Bồn. Hướng thoát nước ra sông Vĩnh Điện, sông Thu Bồn.

+ Lưu vực 3, lưu vực ảnh hưởng triều. Gồm toàn bộ khu vực phía Đông, hướng thoát nước chính về phía biển.

c) Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Giai đoạn đến 2020: Tổng công suất nước khoảng $55.500m^3$. Giai đoạn 2020-2030 là $80.000m^3$.

- Nguồn nước mặt, từ các tuyến sông Vĩnh Điện, Thu Bồn và Vu Gia.

- Các công trình đầu môi cấp nước chính:

+ Nhà máy nước Vĩnh Điện, công suất $2.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; Định hướng xây dựng nhà máy nước Vĩnh Điện - Phong Thủy, nâng công suất lên $20.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Nhà máy nước Điện Nam - Điện Ngọc, công suất $5.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; Định hướng xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước khu đô thị ven biển, công suất giai đoạn đầu là $15.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, giai đoạn sau là $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Ngoài ra, định hướng xây dựng nhà máy nước Đông Quan, cấp nước cho các xã Điện Hòa, Điện Thắng, Điện Tiến; nhà máy nước Gò Nổi cấp cho các xã Điện Quang, Điện Trung và Điện Phong.

- Sử dụng hệ thống mạng vòng cho mạng lưới cấp nước chính của khu vực đô thị. Các khu vực nông thôn xa đô thị, cấp nước theo hệ thống riêng.

d) Định hướng quy hoạch cấp điện:

- Tổng công suất:

Giai đoạn đến năm 2020, tổng công suất khu vực đô thị khoảng 100.750KVA ; khu vực nông thôn khoảng 17.600KVA .

Giai đoạn 2020-2030, tổng công suất khu vực đô thị khoảng 731.750KVA ; khu vực nông thôn khoảng 31.000KVA .

- Nguồn: Từ các 3 trạm trung gian 110kV Điện Nam - Điện Ngọc; trạm $35/22(15)\text{KV}$ Điện Thắng - trạm $35/22/(15)\text{KV}$ Vĩnh Điện và một số xuất tuyến 22KV từ các trạm 110KV Đại Lộc, Duy Xuyên.

- Mạng lưới cấp điện:

+ Đường dây cao thế $35 - 110\text{kV}$: Giữ nguyên tuyến đường dây cao thế 110kV hiện trạng; Điều chỉnh, di dời tuyến đường dây 35KV theo hướng đảm bảo cảnh quan đô thị.

+ Nâng cấp toàn bộ đường dây trung thế 15kV lên 22kV , giai đoạn đầu thiết kế đi nổi bám dọc theo trục giao thông chính được. Xây dựng các tuyến đường dây 22KV trực chính đến các trạm biến áp lưới.

Xây dựng mới mạng lưới 22KV nổi mạch vòng giữa các trạm biến áp trung gian. Mạng lưới 22KV đi nổi, hình thức mạng kín, vận hành hở.

+ Trạm biến áp:

Trạm biến áp trung gian $35/22\text{KV}$: Xây dựng mới thêm 3 trạm, bố trí tại 2 trạm hiện trạng Vĩnh Điện - Điện Thắng, 1 trạm đặt tại tiểu vùng Điện Thọ.

Trạm biến áp lưới $22/0,4\text{KV}$: Giai đoạn đầu xây dựng mới 192 trạm; Giai đoạn dài hạn xây dựng mới 426 trạm.

e) Định hướng quy hoạch thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

Thoát nước thải:

- Tại các khu đô thị, hệ thống thoát nước thải bản riêng được thu gom tập trung và xử lý; Công suất thu gom tính toán đạt 100% nước sinh hoạt, công cộng. Các trung tâm xã, cụm xã theo hình thức thu thoát nước chung.

- Nước thải bệnh viện: Xử lý cục bộ trong từng bệnh viện tại khu xử lý riêng, đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định, trước khi xả ra hệ thống thoát nước bản của đô thị.

- Nước thải công nghiệp: Xử lý riêng tại các nhà máy, tại từng khu, cụm công nghiệp đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của đô thị.

Dự kiến xây dựng 5 trạm xử lý nước thải cho các khu đô thị. Vị trí xây dựng trạm xử lý là khu vực đất chưa sử dụng, trồng cây xanh và gần sông suối, ít gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Mạng lưới đường ống tự chảy, có đường kính từ D300 đến D500 mm; Đường công áp lực có đường kính D200 mm.

Xử lý chất thải rắn:

- Chất thải sinh hoạt: Được thu gom tập trung và chuyển đến khu xử lý chung của toàn huyện. Khu xử lý tại huyện Đại Lộc.

Định hướng giai đoạn 2020 đến 2030, sẽ xử lý chất thải rắn bằng công nghệ chế biến thành nhiên liệu và thiêu đốt thu hồi năng lượng.

- Chất thải y tế: Chất thải rắn sinh hoạt bình thường sẽ được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt của đô thị đưa đi xử lý tập trung.

- Chất thải rắn độc hại được đốt tại lò đốt chất thải rắn y tế xây dựng tại bệnh viện theo đúng tiêu chuẩn quy định.

Nghĩa trang:

- Các khu nghĩa trang tổ chức tại các vị trí đảm bảo cách ly khu dân cư, đảm bảo công tác VSMT. Xây dựng tại mỗi khu vực một nghĩa trang nhân dân. Quy mô nghĩa trang cho mỗi khu vực giai đoạn đầu khoảng 2ha, quy mô giai đoạn sau khoảng 4ha.

- Các khu vực nghĩa trang tộc, họ hiện có khoanh vùng và đóng cửa nhằm đảm bảo môi trường cho khu vực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Điện Bàn,

- Phối hợp với Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam, tổ chức công bố quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với các Sở liên quan, lập và trình thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị, phù hợp với quy hoạch đã duyệt. Trong đó, chú ý rà soát, bổ sung các vấn đề có liên quan đến an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch đã duyệt, phù hợp với quy hoạch chung đô thị Điện Bàn. Trong đó, rà soát, triển khai lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, làm cơ sở quản lý công tác xây dựng trong các khu vực đô thị. Thời hạn thực hiện trước tháng 7/2013.

- Tổ chức lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, trình thẩm định và phê duyệt, làm cơ sở triển khai phát triển đô thị. Lưu ý, đối với việc

phát triển các trục đối ngoại, liên đô thị, trục chính đô thị, phải cụ thể hóa bằng quy hoạch tỷ lệ lớn hơn, có thiết kế đô thị và quy định các chỉ tiêu cụ thể cho phần không gian 500m về mỗi bên đối với từng tuyến.

- Xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện xây dựng đô thị phù hợp với quy hoạch chung theo tiến độ, kế hoạch phát triển đô thị.

- Định kỳ hàng năm, tổng kết và báo cáo công tác triển khai phát triển đô thị theo quy hoạch về UBND tỉnh và các Sở, ngành có liên quan để theo dõi, hướng dẫn.

2. Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam,

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch chung đô thị Điện Bàn theo chức năng, nhiệm vụ. Chú ý việc rà soát, điều chỉnh các quy mô khu đô thị trên cơ sở phù hợp với yêu cầu quy hoạch chung được phê duyệt điều chỉnh và thực tiễn phát triển của đô thị Điện Bàn.

- Phối hợp UBND huyện Điện Bàn hoàn chỉnh Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị. Trình UBND tỉnh xét duyệt, làm cơ sở pháp lý trong việc phân khu vực phát triển, phân cấp quản lý nhà nước về quy hoạch, xây dựng.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn và phối hợp UBND huyện Điện Bàn trong các quá trình xây dựng và phát triển đô thị theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 16/4/2012 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch vùng huyện Điện Bàn, và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hồ sơ bản vẽ quy hoạch đã ký duyệt được sử dụng lại, có giá trị sử dụng kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Điện Bàn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn của huyện; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT-UBND tỉnh (báo cáo);
- TT-UBND huyện Điện Bàn;
- Chủ tịch UBND, các Phó Chủ tịch;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH.



Đinh Văn Thu